

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**



## QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin chung về Quỹ	1
Công bố trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với báo cáo tài chính	2
Phê chuẩn báo cáo tài chính của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	13
Báo cáo kiểm toán độc lập	15
Báo cáo thu nhập cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Mẫu số B 01 – QM)	17
Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B 02 – QM)	19
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Mẫu số B 03 – QM)	21
Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 04 – QM)	22
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Mẫu số B 05 – QM)	24
Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Mẫu số B 06 – QM)	26

# QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

## THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

**Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán  
Chứng chỉ Quỹ ra công chúng**

Số 117/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
("UBCKNN") cấp ngày 31 tháng 7 năm 2024

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập  
Quỹ đại chúng**

Số 187/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13 tháng 11 năm 2024

**Ban Đại diện Quỹ**

Ông Phạm Linh  
Ông Tống Công Cường  
Ông Đoàn Thuận Hải

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Điều hành Công ty  
Quản lý Quỹ**

Ông Nguyễn Quốc Dũng

Tổng Giám đốc

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered  
(Việt Nam)

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 23, Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng,  
Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## **QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

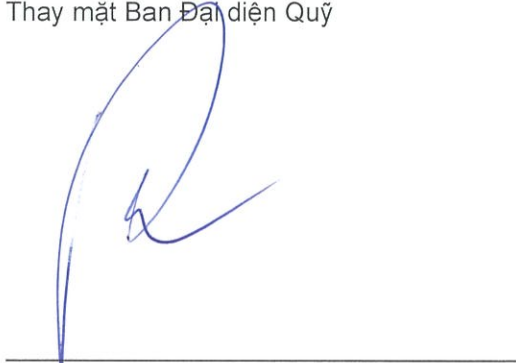
Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2, Thuyết minh 3 và Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính. Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

## QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 17 đến trang 58. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Phạm Linh  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

# QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM (“QUỸ”)

#### 1.1 Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận tối ưu cho nhà đầu tư trong dài hạn thông qua một danh mục đầu tư đa dạng vào các công ty có triển vọng tăng trưởng bền vững với mô hình kinh doanh phù hợp và có nỗ lực cải thiện các vấn đề liên quan đến Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp (Environmental – Social – Governance; viết tắt là ESG).

#### 1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đã tăng 274,93% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày thành lập.

#### 1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư của Quỹ kết hợp việc phân tích, đánh giá tình hình các yếu tố kinh tế vĩ mô (top-down approach) và phân tích chuyên sâu tình hình hoạt động, triển vọng tăng trưởng của các công ty (bottom-up approach). Quỹ tập trung đầu tư chủ yếu vào các công ty niêm yết hoạt động tại nhiều ngành nghề khác nhau, có triển vọng tăng trưởng bền vững và có nền tảng tài chính vững chắc. Bên cạnh đó, Quỹ còn tích hợp thêm việc phân tích, đánh giá các yếu tố liên quan đến Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp (ESG) trong quá trình ra quyết định đầu tư. Quỹ tin rằng một công ty có chính sách quản trị rủi ro và nắm bắt cơ hội có liên quan đến ESG sẽ tạo ra giá trị dài hạn cho doanh nghiệp, từ đó mang lại lợi nhuận bền vững cho nhà đầu tư.

Quỹ có cơ cấu phân bổ tài sản mục tiêu như sau:

- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán: từ 80% tới 100%; và
- Các tài sản được phép đầu tư khác: từ 0% tới 20%

Cơ cấu phân bổ tài sản mục tiêu này mang tính định hướng. Trong thực tế, tùy thuộc vào diễn biến của thị trường, cơ cấu phân bổ tài sản của Quỹ có thể thay đổi mà không vi phạm các hạn chế đầu tư.

#### 1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ hoạt động dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở và thời gian hoạt động không xác định.

#### 1.5 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 187/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13 tháng 11 năm 2024.

#### 1.6 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

- |   |                   |               |
|---|-------------------|---------------|
| • Số lượng chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành: | 140.490.915,61    | Chứng chỉ quỹ |
| • Tổng giá trị chứng chỉ quỹ theo mệnh giá:     | 1.404.909.156.100 | VND           |
| • Tổng giá trị tài sản ròng:                    | 1.729.715.116.863 | VND           |

#### 1.7 Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

## QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM (tiếp theo)

##### 1.8 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ, chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản cáo bạch và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Quản lý Quỹ không có bất kỳ cam kết nào rằng lợi nhuận sẽ được phân phối. Nếu lợi nhuận được phân phối thì việc phân phối lợi nhuận của đợt đó không được hiểu là dự báo, dấu hiệu, khả năng phân phối lợi nhuận hay nội dung tương tự của Quỹ trong tương lai. Việc phân phối lợi nhuận của một đợt cụ thể không hàm ý sẽ có đợt phân chia lợi nhuận tương tự sau đó. Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi tần suất và/hoặc mức lợi nhuận phân phối ít hơn so với số lợi tức của Quỹ.

Khi việc phân phối lợi nhuận Quỹ được tuyên bố và thực hiện, tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được giảm đi tương ứng.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ chỉ được phân phối khi Quỹ đã hoàn tất hoặc đủ khả năng tài chính để hoàn tất các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác và Quỹ đã lập các quỹ dự phòng. Sau khi phân phối lợi nhuận, Quỹ phải đủ khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ đến hạn.

##### 1.9 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ở thời điểm báo cáo

Trong giai đoạn, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

#### 2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

##### 2.1 Cơ cấu tài sản của Quỹ

	Tại ngày 31.12.2025 (%)
1. Tiền và tương đương tiền	3,53
2. Các khoản đầu tư	95,84
3. Các khoản phải thu	0,63
	<hr/>
	100,00
	<hr/> <hr/>

## QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

##### 2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Tại ngày 31.12.2025/ Giai đoạn  
từ ngày 13.11.2024  
(ngày thành lập)  
đến ngày 31.12.2025

1. NAV của Quỹ (VND)	1.729.715.116.863
2. Tổng CCQ đang lưu hành (số lượng)	140.490.915,61
3. NAV của một đơn vị CCQ (VND)	12.312
4. NAV cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong giai đoạn báo cáo (VND)	12.668
5. NAV thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong giai đoạn báo cáo (VND)	8.780
6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	Không áp dụng
7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong giai đoạn báo cáo (VND)	Không áp dụng
8. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong giai đoạn báo cáo (VND)	Không áp dụng
9. Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ so với cùng kỳ năm trước (%)	Không áp dụng
10. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	2,01
11. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	133,75

##### 2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)
Từ khi thành lập	23,12

##### 2.4 Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Từ ngày 13.11.2024 (ngày thành lập) đến ngày 31.12.2025
Tỷ lệ tăng trưởng/1 đơn vị CCQ (%)	23,12

## QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 3 MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN BÁO CÁO

##### Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo năm 2025, tăng trưởng toàn cầu duy trì quanh 3,3%, với Mỹ khoảng 2,1% và Trung Quốc gần 5,0%, trong khi lạm phát thế giới giảm dần về 4,1% nhờ chính sách tiền tệ bớt thắt chặt. Môi trường quốc tế vẫn phân hóa bởi bảo hộ thương mại và bất định chính sách, song PMI sản xuất và dịch vụ toàn cầu cải thiện dần trong nửa cuối năm 2025. Các kênh dòng vốn có dấu hiệu quay lại các thị trường mới nổi khi kỳ vọng cắt giảm lãi suất ở các nền kinh tế lớn gia tăng. Điều này tạo nền cho thương mại và FDI phục hồi trong khu vực châu Á.

##### Lạm phát

Lạm phát toàn cầu tiếp tục xu hướng giảm trong năm 2025. Theo IMF, lạm phát trung bình toàn cầu khoảng 4,1% trong năm 2025. Tại Mỹ, lạm phát tiếp tục xu hướng giảm, xuống 2,7% tháng 12 năm 2025 so với mức 2,9% tháng 12 năm 2024. Khu vực châu Âu ghi nhận mức lạm phát giảm xuống 2,1% trong năm 2025, so với mức 2,4% năm 2024. Lạm phát tại Trung Quốc duy trì mức thấp, khoảng 0,8% tháng 12 năm 2025 so với mức 0,2% tháng 12 năm 2024.

##### Kinh tế Việt Nam

Năm 2025, kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng tích cực, đạt 8,02%. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,97%, ngành xây dựng tăng 9,62% và trở thành động lực tăng trưởng chính. Bên cạnh đó, ngành dịch vụ, tiêu dùng và du lịch cũng đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế với mức tăng 8,62%. Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực, khoảng 17% trong năm 2025, đóng góp phần lớn vào tăng trưởng kinh tế. Vốn đầu tư nước ngoài (FDI) thực hiện vào Việt Nam tiếp tục tăng trưởng khoảng 9% trong năm 2025. Lạm phát được kiểm soát tốt ở mức bình quân 3,3% so với cùng kỳ trong năm 2025. Mặc dù Đồng Việt Nam giảm áp lực mất giá trong tháng 12 năm 2025, nhưng vẫn giảm khoảng 3,1% so với đầu năm.

## QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 3 MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN BÁO CÁO (tiếp theo)

##### Cập nhật thị trường cổ phiếu năm 2025

Năm 2025 đánh dấu một giai đoạn bùng nổ của thị trường chứng khoán Việt Nam, khi VN-Index tăng 40,9% và đóng cửa tại 1.784,5 điểm - mức cao nhất trong lịch sử và cũng là mức tăng điểm tuyệt đối lớn nhất từ trước tới nay, với hơn 517 điểm tăng thêm trong năm - bất chấp các rủi ro về chính sách thuế quan từ Mỹ cũng như căng thẳng địa chính trị trên toàn cầu. Diễn biến tích cực này được hỗ trợ bởi nền tảng vĩ mô vững chắc và kết quả kinh doanh cải thiện trên nhiều ngành. Nền kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng GDP ấn tượng (+8,02%), lạm phát được kiểm soát tốt, trong khi chính sách tiền tệ – tài khóa được điều hành linh hoạt và phối hợp chặt chẽ. Lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết tăng trưởng mạnh, tạo bộ phận vững chắc cho mặt bằng định giá thị trường.

Một loạt cải cách mang tính cấu trúc từ việc ban hành các chính sách pháp lý mới, triển khai hệ thống giao dịch KRX, làn sóng IPO quy mô lớn, cho đến thông báo nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp của FTSE Russell đã góp phần nâng cao chất lượng thị trường, mở rộng cơ hội thu hút dòng vốn và cải thiện niềm tin của nhà đầu tư. Tuy nhiên, một điểm đáng chú ý là mức độ tập trung cao trong tăng trưởng của thị trường, khi nhóm cổ phiếu Vingroup (VIC, VHM, VRE, VPL) đóng góp tới gần 70% mức tăng của VN-Index. Điều này cho thấy đà tăng năm 2025 chưa thật sự lan tỏa mà phụ thuộc đáng kể vào một nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn.

Thanh khoản tiếp tục là điểm sáng khi giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường đạt hơn 1,11 tỷ USD mỗi phiên, tăng 40% so với năm trước. Dòng tiền từ nhà đầu tư cá nhân vẫn đóng vai trò chủ đạo, chiếm hơn 80% tổng giao dịch trong năm 2025, cho thấy sự tham gia mạnh mẽ của nhóm nhà đầu tư nội trong bối cảnh mặt bằng lãi suất thấp, tín dụng gia tăng và tâm lý thị trường tích cực.

Trái ngược với sự sôi động của nhà đầu tư trong nước, khối ngoại ghi nhận một năm bán ròng mạnh với tổng giá trị hơn 5,1 tỷ USD, tiếp nối xu hướng rút vốn từ năm 2024 do áp lực tỷ giá và xu hướng chung của toàn cầu rút khỏi các thị trường đang phát triển. Tuy nhiên, điểm sáng xuất hiện vào cuối năm khi tháng 12/2025 khối ngoại quay lại mua ròng 64,3 triệu USD, chấm dứt chuỗi bốn tháng liên tiếp bán ròng và phần nào cải thiện tâm lý thị trường.

Xét theo ngành, bức tranh thị trường cho thấy sự phân hóa rõ rệt. Bất động sản là nhóm tăng mạnh nhất năm với mức tăng 230,1%, vượt xa các nhóm khác nhờ sự cải thiện môi trường pháp lý dự án, hoạt động bán hàng hồi phục nhờ hỗ trợ tín dụng và đặc biệt là sự dẫn dắt mạnh mẽ từ nhóm cổ phiếu Vingroup với kỳ vọng từ chính sách thúc đẩy kinh tế tư nhân. Hàng hóa công nghiệp và Dịch vụ Tài chính cũng tăng lần lượt 54,2% và 28,8% nhờ kết quả kinh doanh cải thiện và hưởng lợi từ chính sách kinh tế hỗ trợ tăng trưởng như chính sách tiền tệ và tài khóa mở rộng. Ngược lại, Công nghệ và Viễn thông là hai nhóm giảm mạnh nhất, lần lượt giảm 25,1% và 15,8%, chịu ảnh hưởng từ xu hướng giảm chung của nhóm ngành công nghệ trên toàn cầu khi các lo ngại về AI tạo ra mức độ cạnh tranh lớn hơn.

Tổng thể, năm 2025 là một năm bứt phá lịch sử của thị trường chứng khoán Việt Nam, được hỗ trợ bởi dòng tiền nội dồi dào, nền tảng kinh tế tăng trưởng vững chắc, lãi suất thấp, kỳ vọng nâng hạng và tăng trưởng áp đảo của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn đặc biệt là nhóm cổ phiếu Vingroup.

*Ghi chú: Các số liệu nêu tại mục này được tổng hợp từ các nguồn sau đây: Tổng cục Thống kê Việt Nam, Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bloomberg và Fiinpro. Do số liệu này được tổng hợp từ bên thứ ba, mặc dù chúng tôi thận trọng xem xét, thẩm định, đánh giá, chúng tôi không chịu trách nhiệm về những nội dung hay sai sót của những số liệu nêu trên.*

## QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

##### 4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

So với thời điểm thành lập quỹ, Giá trị tài sản ròng của quỹ và Giá trị tài sản ròng của quỹ trên một Chứng chỉ Quỹ tại ngày 31.12.2025 đã tăng tương ứng 274,93% và 23,12%.

Biểu đồ tăng trưởng của Quỹ từ ngày thành lập:



Thay đổi NAV:

Chỉ tiêu	31.12.2025 VND	13.11.2024 (ngày thành lập) VND	Tỷ lệ thay đổi (%)
NAV của Quỹ	1.729.715.116.863	461.341.686.000	274,93
NAV trên 1 CCQ ("NAV/CCQ")	12.312	10.000	23,12

##### 4.2 Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị CCQ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	313	229.342,55	0,17
Từ 5.000 – dưới 10.000	35	228.790,50	0,16
Từ 10.000 – dưới 50.000	44	960.006,12	0,68
Từ 50.000 – dưới 500.000	9	614.832,52	0,44
Trên 500.000	1	138.457.943,92	98,55
<b>Tổng cộng</b>	<b>402</b>	<b>140.490.915,61</b>	<b>100,00</b>

## QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 5 THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

##### Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Sang 2026, tăng trưởng thế giới dự báo 3,3%, tương đương mức tăng trưởng của năm 2025. Trong đó, tăng trưởng kinh tế Mỹ được kì vọng tăng trưởng 2,4%, được hỗ trợ bởi chính sách tài khóa và việc hạ lãi suất điều hành, trong khi tác động của các rào cản thương mại tăng cao dần suy giảm. Tại khu vực châu Âu, tăng trưởng dự kiến duy trì ổn định ở mức 1,3% trong năm 2026. Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển, như Trung Quốc được dự báo tăng trưởng 4,5% trong năm 2026, trong khi tăng trưởng của Ấn Độ dự kiến khoảng 6,4% trong năm 2026.

##### Thương mại toàn cầu

Năm 2026, thương mại toàn cầu có thể có cả cơ hội và thách thức từ những thay đổi trong công nghệ tài chính cho thương mại và xu hướng thương mại điện tử. Chỉ báo tăng trưởng toàn cầu và PMI cải thiện từ nửa cuối 2025 gợi ý thương mại 2026 duy trì đà phục hồi. Dù rủi ro bảo hộ vẫn hiện hữu, Việt Nam vẫn hưởng lợi nhờ lợi thế thuế quan tương đối và mạng lưới FTA rộng, sự dịch chuyển chuỗi cung ứng tiếp tục nâng vai trò Việt Nam trong các ngành điện tử, công nghiệp hỗ trợ.

##### Kinh tế Việt Nam

Năm 2026, kinh tế Việt Nam dự kiến tăng trưởng trong vùng 7,6%–8,5, với động lực chính từ giải ngân đầu tư công, tăng trưởng tích cực của hoạt động sản xuất và nhu cầu tiêu dùng trong nước được hỗ trợ bởi du lịch tiếp tục phục hồi. Lạm phát dự kiến bình quân 2026 khoảng 3,5%–4,0%. Chính sách tài khóa và tiền tệ vẫn duy trì hỗ trợ phát triển kinh tế. Xuất nhập khẩu và vốn đầu tư nước ngoài (FDI) dự kiến vẫn tăng trưởng tích cực.

##### Đánh giá cơ hội đầu tư thị trường cổ phiếu 2026

Thị trường chứng khoán Việt Nam bước vào năm 2026 với sự lạc quan lớn, được củng cố bởi các nền tảng vĩ mô vững chắc, các chính sách hỗ trợ của Chính phủ cũng như triển vọng nâng hạng thị trường rõ rệt.

##### Các yếu tố vĩ mô hỗ trợ thị trường

##### Mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao

Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2026–2030 đạt mức 10% với mục tiêu quyết tâm chuyển dịch sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, công nghệ và giá trị gia tăng cao.

##### Đẩy mạnh đầu tư công, cải cách khu vực kinh tế nhà nước và thúc đẩy khu vực tư nhân

Đầu tư công tiếp tục là động lực then chốt để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế khi Chính phủ đặt mục tiêu giải ngân đầu tư công trong năm đạt 995 ngàn tỷ, tăng hơn 30% so với mức giải ngân năm 2025. Bên cạnh đó, Nghị quyết 79-NQ/TW khẳng định vai trò nòng cốt của khu vực kinh tế nhà nước với mục tiêu hình thành các tập đoàn quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh quốc tế.

Song song đó, Chính phủ cũng vừa mới ban hành Nghị định 20/2026/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết Nghị quyết 198/2025/QH15 đưa ra nhiều cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển khu vực kinh tế tư nhân và khởi nghiệp thông qua các chính sách miễn, giảm thuế đáng kể.

##### Tiêu dùng tiếp tục được thúc đẩy

Tiêu dùng tiếp tục là một trong những động lực tăng trưởng của nền kinh tế nhờ niềm tin được hồi phục, thu nhập khả dụng gia tăng và nhiều chính sách hỗ trợ của Chính phủ như hạ mức giảm trừ gia cảnh bản thân và người phụ thuộc, thay đổi khung thuế thu nhập cá nhân cũng như tiếp tục giảm thuế VAT.

## QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 5 THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

##### Triển vọng nâng hạng thị trường và tính minh bạch

FTSE Russell dự kiến sẽ chính thức nâng hạng TTCK Việt Nam lên Thị trường mới nổi thứ cấp vào kỳ đánh giá tháng 9/2026 sau khi Việt Nam đáp ứng đủ về tiêu chí nhà môi giới toàn cầu. Việc nâng hạng này có thể thu hút dòng vốn lớn từ các nhà đầu tư nước ngoài ước tính hơn 1 tỷ USD từ các quỹ đầu tư ETF, chưa kể dòng vốn từ các quỹ đầu tư chủ động được kỳ vọng từ 4-5x dòng vốn bị động. Đối với MSCI, Việt Nam được kỳ vọng sẽ thỏa mãn các điều kiện để vào danh sách theo dõi năm 2027 và chính thức nâng hạng vào năm 2028.

Chính phủ cũng tiếp tục thực hiện các cải cách hạ tầng và minh bạch hóa thị trường trong năm 2026 giúp tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế cũng như gia tăng tính hấp dẫn của thị trường Việt Nam với các nhà đầu tư tổ chức và nước ngoài. Các cải cách lớn về hạ tầng thị trường được kỳ vọng sẽ bao gồm giao dịch xuyên trưa, thí điểm giao dịch trong ngày (T+0), rút ngắn chu kỳ thanh toán và phát triển các sản phẩm mới như vay/cho vay chứng khoán (SBL). Ngoài ra, các công ty niêm yết bắt buộc phải công bố thông tin bằng tiếng Anh kể từ năm 2026 cũng giúp nâng cao khả năng tiếp cận của nhà đầu tư ngoại và tính chuyên nghiệp của thị trường.

##### Định giá thị trường và triển vọng tăng trưởng lợi nhuận

Định giá thị trường vẫn còn ở mức hợp lý. Tính đến cuối tháng 1/2026, chỉ số P/E trailing 12 tháng của VN-Index ở mức 15,2 lần, xấp xỉ mức trung bình 10 năm (15,4 lần). Nếu loại trừ cổ phiếu VIC, mức P/E này chỉ còn khoảng 13,3 lần. So sánh với các thị trường trong khu vực như Ấn Độ (25,4x), Indonesia (20,8x), Trung Quốc (19,8x), Malaysia (16,6x), định giá của TTCK Việt Nam vẫn ở mức rất hấp dẫn.

Triển vọng lợi nhuận doanh nghiệp tiếp tục duy trì tích cực trong năm 2026 với mức lợi nhuận ròng dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ ở mức 18% -20%. Với mức tăng trưởng này, chỉ số P/E dự phóng cho năm 2026 của thị trường sẽ giảm xuống còn khoảng 13.0x, thấp hơn mức trung bình 10 năm, duy trì nền định giá hợp lý để thu hút dòng vốn dài hạn.

Bên cạnh các yếu tố tích cực, cũng cần xem xét một số rủi ro có thể tác động tiêu cực đến thị trường trong năm 2026 như:

- Rủi ro thương mại toàn cầu khi xu hướng bảo hộ gia tăng và bất định về chính sách thuế quan của Mỹ dưới chính quyền Trump.
- Căng thẳng địa chính trị có thể đẩy giá dầu tăng mạnh, gây áp lực lạm phát và làm suy yếu triển vọng cắt giảm lãi suất của các ngân hàng trung ương.
- Áp lực tỷ giá khi lạm phát quay trở lại và dự trữ ngoại hối còn hạn chế, thu hẹp khả năng can thiệp của Ngân hàng Nhà nước.
- Rủi ro từ thị trường bất động sản do tín dụng bị kiểm soát chặt, lãi suất cho vay tăng cùng với lượng lớn trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn.

Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2026 nhìn chung tích cực, dù vẫn chịu tác động từ biến động địa chính trị và thương mại toàn cầu. Sự kết hợp giữa nền tảng kinh tế ổn định, lợi nhuận doanh nghiệp tăng trưởng mạnh, định giá hợp lý và câu chuyện nâng hạng thị trường sẽ là những động lực chính đưa thị trường bước vào một chu kỳ tăng trưởng mới.

Trong bối cảnh đó, chiến lược đầu tư năm 2026 nên tập trung vào các doanh nghiệp có nền tảng cơ bản tốt, định giá hợp lý và câu chuyện tăng trưởng rõ ràng, đặc biệt là các nhóm hưởng lợi từ các chính sách hỗ trợ tăng trưởng kinh tế của Chính phủ như đầu tư công, sự phục hồi của tiêu dùng nội địa và nâng hạng thị trường. Ngược lại, hạn chế tỷ trọng ở các doanh nghiệp phụ thuộc nhiều vào thị trường nước ngoài hoặc nhóm chịu tác động mạnh từ biến động thuế quan toàn cầu trong danh mục đầu tư.

## QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 6 THÔNG TIN KHÁC

##### 6.1 Thông tin về Ban Đại diện Quỹ, Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ và Nhân sự Điều hành Quỹ

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Năm tham gia Công ty Quản lý Quỹ/Quỹ
Phạm Linh	Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	- Thạc sỹ Kinh tế - Cử nhân Đại học Ngân hàng	2024
Tổng Công Cường	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	- Thạc sỹ Luật học	2024
Đoàn Thuận Hải	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	- Cử nhân Đại học Ngoại Thương	2024
Nguyễn Quốc Dũng	Tổng Giám đốc	- Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh - Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của chương trình Pháp – Việt (CFVG) - Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	2025
Trần Thập Kiều Quân	Trưởng Bộ phận Đầu tư Trái phiếu	- Cử nhân Kinh tế - Tài chính Ngân hàng - Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Thành viên Hiệp hội Phân tích tài chính (CFA)	2006
Lương Thu Hương	Quản lý Cấp cao Bộ phận Đầu tư Cổ phiếu	- Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Thành viên Hiệp hội Phân tích tài chính (CFA)	2021

##### 6.2 Thông tin khác

Trong báo cáo này, các chỉ tiêu không trình bày được hiểu là không áp dụng hoặc số dư bằng không.

Thay mặt Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments



Nguyễn Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ” hoặc “EVESG”) cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 - Ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 - Ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

➢ Theo Điểm e, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Trong kỳ, tỷ lệ đầu tư vào các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ do thời gian hoạt động của Quỹ chưa quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời gian cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm e, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

➢ Theo Điểm l, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành”. Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Trong kỳ, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định trên.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng theo quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm l, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, Sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt, cụ thể như sau:





Tại một số kỳ định giá trong giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 - Ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, việc định giá và đánh giá tài sản của Quỹ đã phát sinh sai lệch, cụ thể như sau:

Theo thỏa thuận giữa Quỹ (đại diện bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments ("Eastspring") và Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) ("SC Vietnam"), biểu phí được áp dụng đối với các dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ và dịch vụ giám sát sẽ được áp dụng theo nguyên tắc lũy tiến dựa trên quy mô giá trị tài sản ròng trước phí của quỹ. Từ kỳ định giá ngày 01 tháng 12 năm 2024 đến ngày 14 tháng 05 năm 2025, quy mô giá trị tài sản ròng trước phí của quỹ đã đạt hơn 1.000 tỷ đồng, theo đó tỷ lệ phí sẽ phải được điều chỉnh như đề cập trong biểu phí. Tuy nhiên, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan đã không thực hiện cập nhật tỷ lệ phí dẫn đến giá trị tài sản ròng của Quỹ đã công bố thấp hơn thực tế từ kỳ định giá tại ngày 01 tháng 12 năm 2024 cho đến kỳ định giá ngày 14 tháng 05 năm 2025. Mức độ ảnh hưởng do sai sót trên đối với NAV đã công bố dao động từ 0,00002% đến 0,00011% tại các kỳ định giá và không ảnh hưởng đến NAV/chứng chỉ quỹ tại các kỳ trên. Tổng chênh lệch lũy kế cho giai đoạn kể trên đã thực hiện điều chỉnh vào kỳ định giá ngày 16 tháng 05 năm 2025 đối với Quỹ.

- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 - Ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận và không chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



**Nguyễn Thuỳ Linh**

**Phó phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ**

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**

**Vũ Minh Hiền**

**Nhân viên phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ**



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP  
GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam ("Quỹ") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2025 và được Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn ngày 18 tháng 3 năm 2026. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 và bản thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 17 đến trang 58.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments ("Công ty Quản lý Quỹ")**

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở ("Thông tư 198/2012/TT-BTC"), Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở ("Thông tư 181/2015/TT-BTC"), Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 98/2020/TT-BTC") và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC, Thông tư 181/2015/TT-BTC, Thông tư 98/2020/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ mở.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0849-2023-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Trương Hoàng Anh  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
4594-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM17696  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – QM

**BÁO CÁO THU NHẬP  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
<b>01</b>	<b>I. THU NHẬP VÀ DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>348.617.361.700</b>
02	1.1. Cổ tức được chia	5.1	25.480.003.100
04	1.3. Lãi bán các khoản đầu tư	5.2	79.347.990.442
05	1.4. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5.3	243.789.368.158
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>(5.398.774.116)</b>
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	5.4	(5.398.774.116)
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỜ</b>		<b>(24.489.673.448)</b>
20.1	3.1. Phí quản lý Quỹ	8(a)(i)	(21.937.566.741)
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	5.5	(956.385.735)
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát Quỹ	8(a)(ii)	(355.380.323)
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ	8(a)(ii)	(477.202.305)
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		(143.733.334)
20.7	3.7. Chi phí họp, Đại hội nhà đầu tư của Quỹ		(2.196.936)
20.8	3.8. Chi phí kiểm toán		(199.800.000)
20.10	3.10. Chi phí hoạt động khác	5.6	(417.408.074)
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>318.728.914.136</b>

Các thuyết minh từ trang 26 đến trang 58 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – QM

**BÁO CÁO THU NHẬP  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025 (TIẾP THEO)**

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		<u>318.728.914.136</u>
31	6.1. Lợi nhuận đã thực hiện	6.9	74.939.545.978
32	6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	6.9	243.789.368.158
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)		-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<u>318.728.914.136</u>



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Nguyễn Thanh Phương Thảo**  
Trưởng Bộ phận Quản trị Quỹ/ Người lập




Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Nguyễn Quốc Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 26 đến trang 58 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

Mẫu số B 02 – QM

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2025 VND
<b>100</b>	<b>I. TÀI SẢN</b>		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	6.1	61.705.128.597
	<i>Trong đó:</i>		
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ		61.705.128.597
120	2. Các khoản đầu tư thuần		1.677.311.993.600
121	2.1. Các khoản đầu tư	6.2	1.677.311.993.600
130	3. Các khoản phải thu		11.063.279.016
133	3.1. Phải thu về bán các khoản đầu tư	6.3	11.063.279.016
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>1.750.080.401.213</b>
<b>300</b>	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>		
312	2. Phải trả về mua các khoản đầu tư	6.4	17.654.099.528
313	3. Phải trả cho các đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ		40.579.620
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		2.496.613
316	6. Chi phí phải trả	6.5	174.600.000
317	7. Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ ("CCQ")	6.6	14.550.000
318	8. Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại CCQ	6.6	377.616.787
319	9. Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ	6.7	2.025.341.802
320	10. Phải trả khác		76.000.000
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>20.365.284.350</b>

Các thuyết minh từ trang 26 đến trang 58 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.


**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**  
(tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2025 VND
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CCQ	6.8	1.729.715.116.863
411	1. Vốn góp của nhà đầu tư		1.404.909.156.100
412	1.1. Vốn góp phát hành		1.410.619.644.600
413	1.2. Vốn góp mua lại		(5.710.488.500)
414	2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư		6.077.046.627
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	6.9	318.728.914.136
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CCQ	6.8	<u>12.312</u>
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		<u>-</u>
<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>			
004	4. Số lượng CCQ đang lưu hành	6.8	<u>140.490.915,61</u>



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Nguyễn Thanh Phương Thảo**  
Trưởng Bộ phận Quản trị Quỹ/ Người lập



  
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Nguyễn Quốc Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 26 đến trang 58 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

Mẫu số B 03 – QM


**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm  
2024 (ngày thành lập) đến  
ngày 31 tháng 12 năm 2025  
VND

STT	Nội dung	
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (“NAV”) đầu giai đoạn	-
II	Thay đổi NAV trong giai đoạn báo cáo	318.728.914.136
	<i>Trong đó:</i>	
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong giai đoạn	318.728.914.136
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm CCQ	1.410.986.202.727
	<i>Trong đó:</i>	
III.1	Khoản thu từ việc phát hành CCQ lần đầu	461.341.686.000
III.2	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung CCQ	956.202.378.102
III.3	Khoản thanh toán từ việc mua lại CCQ	(6.557.861.375)
IV	NAV của Quỹ mở cuối giai đoạn	1.729.715.116.863
V	NAV trên một đơn vị CCQ tại cuối giai đoạn	<u>12.312</u>



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Nguyễn Thanh Phương Thảo**  
Trưởng Bộ phận Quản trị Quỹ/ Người lập

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Nguyễn Quốc Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 26 đến trang 58 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

Mẫu số B 04 – QM

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị thị trường tại ngày 31.12.2025 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản của Quỹ (%)
I	Cổ phiếu niêm yết				
1	VIC	1.432.400	169.600	242.935.040.000	13,88
2	CTG	3.638.876	35.750	130.089.817.000	7,43
3	HPG	3.571.600	26.400	94.290.240.000	5,39
4	MBB	3.697.606	25.300	93.549.431.800	5,35
5	TCB	2.654.800	34.900	92.652.520.000	5,29
6	VHM	703.500	124.000	87.234.000.000	4,98
7	MWG	915.000	88.400	80.886.000.000	4,62
8	FPT	740.250	95.800	70.915.950.000	4,05
9	VCB	1.189.680	57.500	68.406.600.000	3,91
10	VPB	1.799.000	28.650	51.541.350.000	2,95
11	KDH	1.577.700	31.500	49.697.550.000	2,84
12	REE	730.050	61.000	44.533.050.000	2,54
13	ACB	1.855.050	24.000	44.521.200.000	2,54
14	HDB	1.402.365	29.700	41.650.240.500	2,38
15	STB	652.500	58.000	37.845.000.000	2,16
16	MSN	490.000	77.000	37.730.000.000	2,16
17	PNJ	311.000	97.000	30.167.000.000	1,72
18	GMD	480.000	61.000	29.280.000.000	1,67
19	HDG	1.027.000	27.300	28.037.100.000	1,60
20	VNM	455.000	61.200	27.846.000.000	1,59
21	DHC	790.000	33.350	26.346.500.000	1,51
22	BID	666.000	38.900	25.907.400.000	1,48
23	SSI	820.700	30.250	24.826.175.000	1,42
24	VCI	639.000	35.300	22.556.700.000	1,29
25	NLG	709.254	30.450	21.596.784.300	1,23
26	PVS	520.980	34.300	17.869.614.000	1,02
27	PHR	295.000	58.500	17.257.500.000	0,99
28	OCB	1.330.000	11.950	15.893.500.000	0,91
29	IDC	400.000	36.400	14.560.000.000	0,83
30	QNS	276.000	47.000	12.972.000.000	0,74
31	GAS	150.000	72.400	10.860.000.000	0,62
32	PVD	360.000	28.350	10.206.000.000	0,58
33	NT2	400.000	24.350	9.740.000.000	0,56
34	PC1	380.000	22.550	8.569.000.000	0,49
35	PVT	450.040	18.400	8.280.736.000	0,47

Các thuyết minh từ trang 26 đến trang 58 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

Mẫu số B 04 – QM

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)

STT	Chi tiêu	Số lượng	Giá trị thị trường tại ngày 31.12.2025 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản của Quỹ (%)
<b>I Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo)</b>					
36	VRE	245.000	33.650	8.244.250.000	0,47
37	VIB	429.380	17.750	7.621.495.000	0,44
38	MSB	600.000	12.400	7.440.000.000	0,43
39	HCM	250.000	22.400	5.600.000.000	0,32
40	DBD	100.000	48.800	4.880.000.000	0,28
41	PDR	220.000	18.800	4.136.000.000	0,24
42	SAB	60.000	49.000	2.940.000.000	0,17
				<b>1.672.111.743.600</b>	<b>95,54</b>
<b>II Chứng khoán khác</b>					
1	MIRSSI251	1.705.000	3.050	<b>5.200.250.000</b>	<b>0,30</b>
<b>III Các tài sản khác</b>					
1	Tiền bán chứng khoán chờ thu			<b>11.063.279.016</b>	<b>0,63</b>
<b>IV Tiền</b>					
1	Tiền gửi ngân hàng			<b>61.705.128.597</b>	<b>3,53</b>
<b>V Tổng giá trị danh mục</b>				<b>1.750.080.401.213</b>	<b>100,00</b>



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Nguyễn Thanh Phương Thảo**  
Trưởng Bộ phận Quản trị Quỹ/ Người lập



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Nguyễn Quốc Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 26 đến trang 58 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		318.728.914.136
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư:		(243.614.768.158)
03	Lãi chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5.3	(243.789.368.158)
04	Chi phí trích trước		174.600.000
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		75.114.145.978
20	Tăng các khoản đầu tư		(1.433.522.625.442)
06	Tăng các khoản phải thu từ các khoản đầu tư đã bán nhưng chưa được thanh toán		(11.063.279.016)
10	Tăng phải trả về mua các khoản đầu tư		17.654.099.528
11	Tăng phải trả các đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ		40.579.620
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		2.496.613
14	Tăng phải trả cho nhà đầu tư về mua CCQ		14.550.000
15	Tăng phải trả cho nhà đầu tư về mua lại CCQ		377.616.787
16	Tăng phải trả khác		76.000.000
17	Tăng phải trả các dịch vụ quản lý quỹ mở		2.025.341.802
19	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.349.281.074.130)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
31	1. Tiền thu từ phát hành CCQ	6.8	1.417.544.064.102
32	2. Tiền chi mua lại CCQ	6.8	(6.557.861.375)
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.410.986.202.727</b>
40	<b>III. Lưu chuyển tiền thuần trong giai đoạn</b>		<b>61.705.128.597</b>

Các thuyết minh từ trang 26 đến trang 58 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

Mẫu số B 05 – QM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
(tiếp theo)**

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
<b>50</b>	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu giai đoạn</b>		-
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ		-
53	Tiền gửi của nhà đầu tư về mua CCQ		-
<b>55</b>	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối giai đoạn</b>	<b>6.1</b>	<b>61.705.128.597</b>
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ		61.702.028.597
58	Tiền gửi của nhà đầu tư về mua CCQ		3.100.000
<b>60</b>	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong giai đoạn</b>		<b>61.705.128.597</b>



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Nguyễn Thanh Phương Thảo**  
Trưởng Bộ phận Quản trị Quỹ/ Người lập



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Nguyễn Quốc Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 26 đến trang 58 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

**1.1 Giấy Chứng nhận chào bán Chứng chỉ Quỹ và Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ mở**

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đại chúng số 187/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 13 tháng 11 năm 2024. Theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập này, tổng số vốn điều lệ của Quỹ là 461.341.686.000 Đồng Việt Nam tương đương với 46.134.168,6 chứng chỉ quỹ (“CCQ”). Quỹ hoạt động theo Điều lệ Quỹ ban hành tháng 7 năm 2024. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

CCQ được chào bán ra công chúng lần đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán số 117/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 31 tháng 7 năm 2024. Theo quy định của giấy phép này, Quỹ được phép phát hành tối thiểu 5.000.000 CCQ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam/CCQ.

CCQ được giao dịch thông qua các đại lý phân phối.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty Quản lý Quỹ”). Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) được chỉ định là Ngân hàng giám sát và lưu ký của Quỹ.

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ**

***Quy mô vốn***

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đại chúng ngày 13 tháng 11 năm 2024 là 461.341.686.000 Đồng Việt Nam.

Quy mô vốn của Quỹ dựa trên số vốn thực góp của nhà đầu tư được trình bày tại Thuyết minh 6.8.

***Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư***

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận tối ưu cho nhà đầu tư trong dài hạn thông qua một danh mục đầu tư đa dạng vào các công ty có triển vọng tăng trưởng bền vững với mô hình kinh doanh phù hợp và có nỗ lực cải thiện các vấn đề liên quan đến Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp (Environmental – Social – Governance; viết tắt là ESG). Mỗi công ty trong danh mục đầu tư sẽ được đánh giá thể điểm ESG theo quy trình đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ. Quy trình đánh giá thể điểm đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Kỳ tính giá trị tài sản ròng (“NAV”)***

NAV của Quỹ được xác định hai lần mỗi tuần và hàng tháng. Đối với kỳ định giá hàng tuần, ngày định giá là ngày thứ Tư và ngày thứ Sáu. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Trong trường hợp ngày giao dịch chứng chỉ quỹ là ngày nghỉ lễ thì việc xác định NAV của Quỹ vẫn được đảm bảo thực hiện tối thiểu một lần trong một tuần theo thông báo tại từng thời điểm

***Phương pháp xác định NAV của Quỹ***

NAV của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

NAV trên một CCQ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng CCQ đang lưu hành tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

NAV trên một CCQ được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán (đến 1 Đồng Việt Nam). Phần dư phát sinh từ việc làm tròn NAV trên mỗi CCQ được hạch toán vào Quỹ.

***Định giá tài sản cho mục đích xác định NAV của Quỹ***

Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ phù hợp với Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 như sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá
1	<b>Tiền, các khoản tương đương tiền và các công cụ thị trường tiền tệ</b>	
1.1	Tiền Đồng Việt Nam (“VND”)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
1.2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
1.3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
1.4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
1.5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ (“BĐĐQ”) quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Định giá tài sản cho mục đích xác định NAV của Quỹ (tiếp theo)***

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá
<b>2</b>	<b>Cổ phiếu</b>	
2.1	Cổ phiếu niêm yết bao gồm: cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá sẽ được xác định theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ). Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo Chính sách sử dụng giá cũ quy định trong Sổ tay Định giá tài sản được phê duyệt bởi BDDQ; hoặc</li> <li>• Giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá phù hợp được phê duyệt bởi BDDQ; hoặc</li> <li>• Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét; hoặc</li> <li>• Giá mua.</li> </ul> </li> </ul>
2.2	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ). Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo Chính sách sử dụng giá cũ quy định trong Sổ tay Định giá tài sản của Quỹ; hoặc</li> <li>- Giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá phù hợp được phê duyệt bởi BDDQ; hoặc</li> <li>- Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét; hoặc</li> <li>- Giá mua.</li> </ul>
2.3	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp đã được BDDQ chấp thuận</li> </ul>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Định giá tài sản cho mục đích xác định NAV của Quỹ (tiếp theo)***

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá
<b>2</b>	<b>Cổ phiếu (tiếp theo)</b>	
2.4	Cổ phần, phần vốn góp khác	- Cổ phiếu chưa niêm yết được mua thông qua đấu thầu tại các đợt phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng: cổ phiếu được định giá tại giá đấu thành công bình quân cho đến khi có báo giá thị trường như đề cập tại điều dưới đây. Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo Chính sách sử dụng giá cũ quy định trong Sổ tay Định giá tài sản của Quỹ; - Các loại cổ phần/phần góp vốn khác: Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do ba (3) tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có đủ báo giá hợp lệ của tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán trong một ngày định giá nào đó thì mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giá mua/Giá trị vốn góp; hoặc</li> <li>• Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán; hoặc</li> <li>• Giá xác định theo phương pháp được BĐDQ chấp thuận</li> </ul>
<b>3</b>	<b>Các tài sản khác được phép đầu tư: Giá xác định theo phương pháp định giá được BĐDQ của Quỹ phê duyệt.</b>	

Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ) được sử dụng tối đa ba (3) tháng tính đến ngày định giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Tần suất giao dịch CCQ***

Tần suất giao dịch CCQ là hai lần mỗi tuần vào các ngày thứ Tư và ngày thứ Sáu. Trong trường hợp ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ là ngày nghỉ lễ, tết thì Quỹ sẽ không thực hiện giao dịch trong những ngày đó.

***Phân phối thu nhập của Quỹ***

Việc phân phối lợi nhuận thực hiện theo Điều lệ Quỹ.

***Hạn chế đầu tư***

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau đây:

- a. Trữ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- b. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c. Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành, tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan của một tổ chức phát hành;
- d. Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán của các tổ chức phát hành theo pháp luật Việt Nam và cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con, các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau, nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- e. Quỹ không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Hạn chế đầu tư (tiếp theo)***

- f. Tổng giá trị các danh mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g. Tại mọi thời điểm, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h. Quỹ không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của Quỹ;
- i. Quỹ không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại hiếm; và
- j. Danh mục đầu tư của Quỹ phải có chứng khoán của ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành.

Ngoại trừ quy định tại các điểm g, h, i, j, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư và chỉ do các nguyên nhân sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- Hoạt động chia tách, hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng tính từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ hoặc Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ điều chỉnh; hoặc
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, là giai đoạn tài chính đầu tiên của Quỹ. Vì vậy, không có số liệu so sánh trong báo cáo tài chính giai đoạn này.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch chứng khoán có ảnh hưởng lớn đến giá giao dịch và thanh toán. Ngoài ra, Quỹ còn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán để huy động các nguồn lực tài chính như phát hành và mua lại CCQ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của báo cáo tình hình tài chính lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập.

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở ("Thông tư 198/2012/TT-BTC"), Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở ("Thông tư 181/2015/TT-BTC"), Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 98/2020") và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ mở.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

**3.2 Hình thức kế toán áp dụng**

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng cho hoạt động của Quỹ.

**4.2 Các khoản đầu tư**

***Nguyên tắc phân loại***

Quỹ phân loại các chứng khoán được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

***Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận***

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày giao dịch. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua, không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng và được đánh giá lại tại ngày báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 198/2012/TT-BTC. Mức giá để đánh giá lại được xác định theo pháp luật chứng khoán hiện hành và Điều lệ Quỹ.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày báo cáo.

***Đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính***

***Cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán***

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ). Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo chính sách sử dụng giá cũ quy định trong Sổ tay Định giá tài sản được phê duyệt bởi BDDQ; hoặc
- Giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá phù hợp được phê duyệt bởi BDDQ; hoặc
- Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét; hoặc
- Giá mua.

***Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư***

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư 198/2012/TT-BTC.

**4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra.

Dự phòng phát sinh trong giai đoạn liên quan đến các khoản phải thu bán chứng khoán được hạch toán vào chi phí trong báo cáo thu nhập.

**4.4 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động phát hành hoặc mua lại CCQ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.5 Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN"). Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

*Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78/2014/TT-BTC") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015, Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 ("Nghị định 320/2025/NĐ-CP") và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111/2013/TT-BTC") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92/2015/TT-BTC") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài Chính về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hay tổ chức đầu tư nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế TNDN, kê khai và nộp thuế thay cho nhà đầu tư đối với phần lợi tức được phân phối (ngoại trừ phần lợi tức thuộc diện được miễn thuế hoặc đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật

Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân (cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn bằng 5% cổ tức được phân phối.

*Giao dịch mua lại CCQ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (cư trú và không cư trú) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111/2013/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC, Thông tư 25/2018/TTBTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành được thay thế một phần bởi quy định tại Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 1 tháng 7 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn liên quan của luật này. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không phải khấu trừ thuế và nộp thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư là tổ chức trong nước có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế TNDN theo Thông tư 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TTBTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 do Chính phủ ban hành.

Luật thuế và việc áp dụng các luật này ở Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ cơ quan thuế này đến cơ quan thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm nộp thuế. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện tính đầy đủ nghĩa vụ thuế phải trả dựa trên diễn giải về luật thuế bao gồm các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.6 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi:

- Quý có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra;
- Việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế; và
- Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy.

Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**4.7 Vốn góp của nhà đầu tư và Lợi nhuận chưa phân phối**

Các CCQ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi CCQ có mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam.

Số lượng CCQ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới hàng thập phân thứ hai (2) sau dấu phẩy.

*Vốn góp phát hành*

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quý do các nhà đầu tư góp vốn vào Quý theo phương thức mua CCQ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần phát hành bổ sung sau ngày thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi Chứng chỉ Quý của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty quản lý Quý với chứng chỉ quỹ của Quý. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

*Vốn góp mua lại*

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại CCQ của các nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch CCQ sau ngày thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi Chứng chỉ Quý của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty quản lý Quý với chứng chỉ quỹ của Quý. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

*Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư*

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa NAV/CCQ và mệnh giá trên một CCQ được phát hành/mua lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.7 Vốn góp của nhà đầu tư và Lợi nhuận chưa phân phối (tiếp theo)**

*Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối*

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong giai đoạn là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong giai đoạn.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong giai đoạn là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong giai đoạn.

Cuối giai đoạn, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong giai đoạn và ghi nhận vào “Lợi nhuận chưa phân phối”.

*Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư*

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối giai đoạn.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Lợi nhuận được phân phối cho nhà đầu tư bởi Công ty Quản lý Quỹ sau khi đã khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.8 Doanh thu và thu nhập**

Doanh thu và thu nhập được ghi nhận khi Quý nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu và thu nhập:

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quý được thiết lập.

*Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**4.9 Chi phí**

Chi phí được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc thận trọng.

**4.10 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quý hoặc chịu sự kiểm soát của Quý, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quý là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quý mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quý, những cá nhân quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Quý liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Quý căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.11 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Quỹ tham gia vào hoạt động đầu tư (bộ phận chia theo hoạt động) hoặc đầu tư trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Quỹ một cách toàn diện.

*(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động của Quỹ chỉ bao gồm một lĩnh vực kinh doanh là đầu tư tài chính vào chứng khoán (bao gồm cổ phiếu và trái phiếu), chứng chỉ tiền gửi, tiền gửi có kỳ hạn và không có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo mục tiêu và chính sách đầu tư được đề cập trong Điều lệ Quỹ.

*(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Hoạt động của Quỹ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Quỹ đầu tư vào tiền gửi ngân hàng và chứng khoán được phát hành bởi các công ty được thành lập, hoặc niêm yết, hoặc hoạt động chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Quỹ không chịu tác động trọng yếu bởi những khác biệt về thị trường hay khu vực địa lý.

**4.12 Số liệu bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198/2012/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số liệu bằng không.

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP**

**5.1 Cổ tức được chia**

Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm  
2024 (ngày thành lập) đến ngày  
31 tháng 12 năm 2025  
VND

Cổ tức đã nhận

25.480.003.100

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

Mẫu số B 06 – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP (tiếp theo)**

**5.2 Lãi bán các khoản đầu tư**

	Giá vốn bình quân của các khoản đầu tư cho đến ngày giao dịch gần nhất VND <sup>[2]</sup>	Lãi đã thực hiện trong giai đoạn từ ngày 13.11.2024 đến ngày 31.12.2025 VND	Lãi đã thực hiện lũy kế đến ngày 31.12.2025 VND
Tổng giá trị thu từ việc bán các khoản đầu tư VND <sup>[1]</sup>	1.138.486.917.469	79.347.990.442	79.347.990.442
Cổ phiếu niêm yết			

**5.3 Chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện**

	Giá trị sổ sách VND <sup>[1]</sup>	Giá trị trường/ giá trị hợp lý tại ngày 31.12.2025 VND <sup>[2]</sup>	Chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện trong giai đoạn từ ngày 13.11.2024 đến ngày 31.12.2025 VND
Cổ phiếu niêm yết	1.433.522.625.442	1.672.111.743.600	238.589.118.158
Quyền chọn mua cổ phiếu niêm yết	-	5.200.250.000	5.200.250.000
	1.433.522.625.442	1.677.311.993.600	243.789.368.158

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

**Mẫu số B 06 – QM**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP (tiếp theo)**

**5.4 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư**

**Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm  
2024 (ngày thành lập) đến ngày  
31 tháng 12 năm 2025  
VND**

Chi phí môi giới mua cổ phiếu	3.706.224.746
Chi phí môi giới bán cổ phiếu	1.686.041.779
Chi phí thanh toán bù trừ	6.507.591
	<hr/>
	<b>5.398.774.116</b>
	<hr/> <hr/>

**5.5 Phí dịch vụ lưu ký tài sản của Quỹ**

**Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm  
2024 (ngày thành lập) đến ngày  
31 tháng 12 năm 2025  
VND**

Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán thanh toán cho Ngân hàng lưu ký (Thuyết minh 8(a)(ii))	750.365.385
Phí giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 8(a)(ii))	92.470.000
Phí lưu ký chứng khoán thanh toán cho VSDC	113.550.350
	<hr/>
	<b>956.385.735</b>
	<hr/> <hr/>

**5.6 Chi phí hoạt động khác**

**Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm  
2024 (ngày thành lập) đến ngày  
31 tháng 12 năm 2025  
VND**

Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 8(a)(iii))	326.400.000
Phí quản lý quỹ thanh toán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	10.000.000
Phí ngân hàng (Thuyết minh 8(a)(ii))	5.008.074
Chi công tác, họp Ban Đại diện Quỹ	76.000.000
	<hr/>
	<b>417.408.074</b>
	<hr/> <hr/>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**6.1 Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền**

Tại ngày  
31.12.2025  
VND

**Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ**

Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)  
(Thuyết minh 8(b))

61.702.028.597

Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua CCQ

3.100.000

**61.705.128.597**

**6.2 Các khoản đầu tư**

Tất cả các công ty được đầu tư như trên báo cáo danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam. Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 4.2, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại theo giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết	1.433.522.625.442	268.129.945.445	(29.540.827.287)	1.672.111.743.600
Quyền mua cổ phiếu niêm yết	-	5.200.250.000	-	5.200.250.000
	<b>1.433.522.625.442</b>	<b>273.330.195.445</b>	<b>(29.540.827.287)</b>	<b>1.677.311.993.600</b>

**6.3 Phải thu về bán các khoản đầu tư**

Phải thu về bán các khoản đầu tư bao gồm các khoản phải thu về bán chứng khoán niêm yết được thanh toán sau hai (2) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (ngày T+2) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

**6.4 Phải trả về mua các khoản đầu tư**

Các khoản phải trả mua chứng khoán niêm yết được thanh toán sau hai (2) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (ngày T+2) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

Mẫu số B 06 – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)****6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)****6.5 Chi phí phải trả****Tại ngày  
31.12.2025  
VND**

Phí kiểm toán	102.600.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 8(b))	72.000.000
	<hr/>
	<b>174.600.000</b>

**6.6 Phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại CCQ**

Phải trả cho nhà đầu tư về mua CCQ thể hiện số tiền nhận từ nhà đầu tư về mua CCQ hợp lệ và chờ phát hành.

Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại CCQ thể hiện số tiền chờ thanh toán cho nhà đầu tư về mua lại CCQ

**6.7 Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ****Tại ngày  
31.12.2025  
VND**

<b>Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ</b>	
Phí quản lý Quỹ (Thuyết minh 8(b))	1.864.964.890

<b>Phải trả cho Ngân hàng Giám sát và Lưu ký</b>	
Phí giám sát Quỹ (Thuyết minh 8(b))	29.951.442
Phí lưu ký (Thuyết minh 8(b))	63.093.295
Phí giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 8(b))	16.800.000

---

**109.844.737****Phải trả cho Dịch vụ quản trị Quỹ và Đại lý chuyển nhượng**

Phí quản trị Quỹ (Thuyết minh 8(b))	39.532.175
Phí đại lý chuyển nhượng	11.000.000

---

**50.532.175**

---

**2.025.341.802**

---

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

**Mẫu số B 06 – QM**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**6.8 Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị	Số dư tại đầu ngày 13.11.2024 (ngày thành lập) (*)	Phát sinh trong giai đoạn	Số dư tại ngày 31.12.2025
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng	CCQ	46.134.168,60	94.927.795,86	141.061.964,46
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	461.341.686.000	949.277.958.600	1.410.619.644.600
Thặng dư vốn phát hành của nhà đầu tư	VND	-	6.924.419.502	6.924.419.502
<b>Tổng giá trị phát hành CCQ</b>	<b>VND</b>	<b>461.341.686.000</b>	<b>956.202.378.102</b>	<b>1.417.544.064.102</b>
<b>Vốn góp mua lại</b>				
Số lượng	CCQ	-	(571.048,85)	(571.048,85)
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	-	(5.710.488.500)	(5.710.488.500)
Chiết khấu vốn góp mua lại của nhà đầu tư	VND	-	(847.372.875)	(847.372.875)
<b>Tổng giá trị mua lại CCQ</b>	<b>VND</b>	<b>-</b>	<b>(6.557.861.375)</b>	<b>(6.557.861.375)</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	<b>VND</b>	<b>461.341.686.000</b>	<b>949.644.516.727</b>	<b>1.410.986.202.727</b>
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	-	318.728.914.136	318.728.914.136
<b>NAV hiện hành</b>	<b>VND</b>	<b>461.341.686.000</b>	<b>1.268.373.430.863</b>	<b>1.729.715.116.863</b>
Số lượng CCQ hiện hành	CCQ	46.134.168,60	94.356.747,01	140.490.915,61
<b>NAV hiện hành/1 CCQ</b>	<b>VND/CCQ</b>	<b>10.000</b>		<b>12.312</b>

(\*) Theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ số 187/GCN-UBCK ngày 13 tháng 11 năm 2024, vốn điều lệ của Quỹ là 461.341.686.000 VND.

**6.9 Lợi nhuận chưa phân phối**

	Số dư tại đầu ngày 13.11.2024 (ngày thành lập) VND	Phát sinh trong giai đoạn VND	Số dư tại ngày 31.12.2025 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	-	74.939.545.978	74.939.545.978
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	243.789.368.158	243.789.368.158
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>-</b>	<b>318.728.914.136</b>	<b>318.728.914.136</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**7 THUYẾT MINH VỀ NAV**

Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập)  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1 CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1 CCQ VND
1	13/11/2024	461.341.686.000	46.134.168,60	10.000	-
2	21/11/2025	461.173.431.996	46.134.168,60	9.996	(4)
3	28/11/2025	464.025.815.686	46.134.168,60	10.058	62
4	30/11/2025	1.408.672.976.644	139.663.264,58	10.086	28
5	03/12/2025	1.407.228.710.967	139.663.264,58	10.076	(10)
6	05/12/2025	1.434.540.066.445	139.695.519,42	10.269	193
7	10/12/2025	1.434.453.257.433	139.753.957,39	10.264	(5)
8	12/12/2025	1.428.552.814.413	139.769.642,97	10.221	(43)
9	17/12/2025	1.422.559.523.426	139.777.959,15	10.177	(44)
10	19/12/2025	1.417.973.145.842	139.777.991,32	10.144	(33)
11	24/12/2025	1.424.020.561.448	139.911.272,07	10.178	34
12	26/12/2025	1.443.053.018.006	139.921.009,73	10.313	135
13	31/12/2025	1.436.594.127.981	139.931.869,79	10.266	(47)
14	02/01/2025	1.437.824.640.825	139.931.869,79	10.275	9
15	07/01/2025	1.404.304.106.010	139.939.655,67	10.035	(240)
16	09/01/2025	1.402.715.176.242	139.962.770,95	10.022	(13)
17	14/01/2025	1.387.792.464.704	139.966.162,57	9.915	(107)
18	16/01/2025	1.398.059.812.251	139.971.535,72	9.988	73
19	21/01/2025	1.408.316.377.024	139.971.535,72	10.061	73
20	23/01/2025	1.427.829.897.135	139.998.372,00	10.199	138
21	31/01/2025	1.430.677.082.010	140.003.274,44	10.219	20
22	04/02/2025	1.429.956.242.872	140.003.274,44	10.214	(5)
23	06/02/2025	1.437.781.327.781	140.033.135,40	10.267	53
24	11/02/2025	1.433.194.686.911	140.033.135,40	10.235	(32)
25	13/02/2025	1.431.321.712.442	140.031.198,35	10.221	(14)
26	18/02/2025	1.431.883.198.572	140.031.198,35	10.225	4
27	20/02/2025	1.448.636.487.088	140.031.198,35	10.345	120
28	25/02/2025	1.459.699.767.842	140.032.165,00	10.424	79
29	27/02/2025	1.467.555.074.072	140.032.165,00	10.480	56
30	28/02/2025	1.462.257.197.227	140.032.165,00	10.442	(38)
31	04/03/2025	1.471.147.241.305	140.032.165,00	10.506	64
32	06/03/2025	1.479.242.808.401	140.034.068,67	10.563	57
33	11/03/2025	1.489.123.630.138	140.024.542,00	10.635	72
34	13/03/2025	1.469.742.380.930	140.024.823,26	10.496	(139)
35	18/03/2025	1.464.201.376.383	140.024.773,26	10.457	(39)
36	20/03/2025	1.454.622.869.060	140.025.729,55	10.388	(69)
37	25/03/2025	1.458.653.458.086	140.025.777,53	10.417	29
38	27/03/2025	1.447.340.643.748	140.025.777,53	10.336	(81)
39	31/03/2025	1.428.365.485.430	140.027.712,51	10.201	(135)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)**  
**ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**  
 (tiếp theo)

**7 THUYẾT MINH VỀ NAV (tiếp theo)**

Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025					
STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1 CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1 CCQ VND
40	01/04/2025	1.437.533.879.666	140.027.712,51	10.266	65
41	03/04/2025	1.340.252.088.228	140.044.778,46	9.570	(696)
42	08/04/2025	1.229.675.138.589	140.059.825,47	8.780	(790)
43	10/04/2025	1.259.658.484.954	140.068.424,38	8.993	213
44	15/04/2025	1.324.157.592.039	140.125.468,73	9.450	457
45	17/04/2025	1.308.149.455.879	140.151.447,55	9.334	(116)
46	22/04/2025	1.301.736.781.697	140.151.447,55	9.288	(46)
47	24/04/2025	1.324.907.843.907	140.153.816,19	9.453	165
48	30/04/2025	1.324.047.349.193	140.159.105,51	9.447	(6)
49	06/05/2025	1.335.634.694.534	140.159.105,51	9.529	82
50	08/05/2025	1.353.291.152.967	140.160.784,59	9.655	126
51	13/05/2025	1.389.617.026.010	140.181.509,56	9.913	258
52	15/05/2025	1.413.786.863.131	140.186.553,44	10.085	172
53	20/05/2025	1.401.317.929.855	140.187.743,32	9.996	(89)
54	22/05/2025	1.391.398.035.101	140.189.793,98	9.925	(71)
55	27/05/2025	1.422.161.988.766	140.189.793,98	10.145	220
56	29/05/2025	1.421.415.713.481	140.191.166,81	10.139	(6)
57	31/05/2025	1.408.487.499.838	140.192.153,10	10.047	(92)
58	03/06/2025	1.424.973.935.148	140.192.153,10	10.164	117
59	05/06/2025	1.423.910.949.595	140.192.398,32	10.157	(7)
60	10/06/2025	1.407.953.213.228	140.192.408,13	10.043	(114)
61	12/06/2025	1.428.550.380.546	140.192.408,13	10.190	147
62	17/06/2025	1.454.950.987.594	140.142.457,05	10.382	192
63	19/06/2025	1.455.511.965.441	140.140.457,05	10.386	4
64	24/06/2025	1.458.836.148.310	140.130.457,05	10.411	25
65	26/06/2025	1.458.466.609.822	140.129.457,05	10.408	(3)
66	30/06/2025	1.469.243.151.969	140.131.353,61	10.485	77
67	01/07/2025	1.467.885.896.304	140.131.353,61	10.475	(10)
68	03/07/2025	1.478.946.784.884	140.136.900,07	10.554	79
69	08/07/2025	1.521.567.600.657	140.140.264,34	10.857	303
70	10/07/2025	1.536.953.056.098	140.143.932,31	10.967	110
71	15/07/2025	1.547.512.946.938	140.146.955,90	11.042	75
72	17/07/2025	1.564.702.118.147	140.153.742,13	11.164	122
73	22/07/2025	1.579.370.036.574	140.161.612,33	11.268	104
74	24/07/2025	1.589.404.766.274	140.164.842,30	11.340	72
75	29/07/2025	1.550.308.841.534	140.166.213,21	11.061	(279)
76	31/07/2025	1.563.233.850.180	140.181.358,04	11.152	91
77	05/08/2025	1.602.839.373.547	140.206.392,10	11.432	280

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

Mẫu số B 06 – QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)

7 THUYẾT MINH VỀ NAV (tiếp theo)

STT	Ngày tính NAV	Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025			
		NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1 CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1 CCQ VND
78	07/08/2025	1.651.052.962.689	140.208.964,41	11.776	344
79	12/08/2025	1.679.075.955.866	140.209.294,71	11.975	199
80	14/08/2025	1.722.489.175.587	140.220.048,63	12.284	309
81	19/08/2025	1.725.013.614.854	140.224.609,84	12.302	18
82	21/08/2025	1.744.584.964.453	140.239.647,03	12.440	138
83	26/08/2025	1.715.359.591.713	140.252.939,11	12.230	(210)
84	28/08/2025	1.748.740.677.270	140.269.587,30	12.467	237
85	31/08/2025	1.754.761.421.088	140.314.093,07	12.506	39
86	02/09/2025	1.754.623.718.415	140.314.093,07	12.505	(1)
87	04/09/2025	1.777.550.078.788	140.318.875,13	12.668	163
88	09/09/2025	1.719.996.762.741	140.381.876,37	12.252	(416)
89	11/09/2025	1.733.110.189.395	140.397.323,26	12.344	92
90	16/09/2025	1.759.570.347.167	140.408.119,31	12.532	188
91	18/09/2025	1.732.416.168.165	140.434.389,53	12.336	(196)
92	23/09/2025	1.694.698.040.142	140.445.790,86	12.067	(269)
93	25/09/2025	1.719.460.157.753	140.466.079,80	12.241	174
94	30/09/2025	1.696.920.866.865	140.471.345,31	12.080	(161)
95	02/10/2025	1.692.539.767.785	140.466.281,80	12.049	(31)
96	07/10/2025	1.718.190.798.148	140.469.221,24	12.232	183
97	09/10/2025	1.744.875.008.642	140.469.785,56	12.422	190
98	14/10/2025	1.749.841.296.816	140.476.000,11	12.457	35
99	16/10/2025	1.753.150.718.847	140.438.883,10	12.483	26
100	21/10/2025	1.660.361.503.461	140.447.651,25	11.822	(661)
101	23/10/2025	1.675.338.716.199	140.451.901,65	11.928	106
102	28/10/2025	1.669.722.195.617	140.460.550,95	11.887	(41)
103	30/10/2025	1.669.601.597.651	140.475.012,60	11.885	(2)
104	31/10/2025	1.647.881.281.689	140.482.895,97	11.730	(155)
105	04/11/2025	1.655.650.640.468	140.482.895,97	11.785	55
106	06/11/2025	1.638.572.334.799	140.479.548,82	11.664	(121)
107	11/11/2025	1.596.634.097.498	140.482.503,42	11.365	(299)
108	13/11/2025	1.626.394.486.842	140.478.725,14	11.578	213
109	18/11/2025	1.656.227.780.221	140.479.154,49	11.790	212
110	20/11/2025	1.645.333.756.049	140.490.046,54	11.711	(79)

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

Mẫu số B 06 – QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)

7 THUYẾT MINH VỀ NAV (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập)  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Ngày tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1 CCQ	Tăng/(giảm) NAV/1 CCQ VND
				tại ngày tính NAV VND	
111	25/11/2025	1.630.759.804.724	140.494.922,67	11.607	(104)
112	27/11/2025	1.652.705.285.802	140.581.927,77	11.756	149
113	30/11/2025	1.655.762.109.766	140.580.049,90	11.778	22
114	02/12/2025	1.662.402.450.513	140.580.049,90	11.825	47
115	04/12/2025	1.697.249.059.739	140.541.826,51	12.076	251
116	09/12/2025	1.695.348.240.336	140.517.759,11	12.065	(11)
117	11/12/2025	1.660.541.887.751	140.523.147,28	11.817	(248)
118	16/12/2025	1.650.653.641.882	140.517.867,46	11.747	(70)
119	18/12/2025	1.644.402.304.359	140.565.771,97	11.698	(49)
120	23/12/2025	1.721.143.372.138	140.519.048,11	12.248	550
121	25/12/2025	1.689.658.638.394	140.517.232,19	12.025	(223)
122	30/12/2025	1.716.145.450.612	140.518.740,82	12.213	188
123	31/12/2025	1.729.715.116.863	140.490.915,61	12.312	99
NAV bình quân trong giai đoạn				1.487.903.918.799	
Biến động NAV/CCQ trong giai đoạn - mức cao nhất					(790)
Biến động NAV/CCQ trong giai đoạn - mức thấp nhất					(1)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Trong giai đoạn báo cáo, các nghiệp vụ chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

(i) Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty Quản lý Quỹ”)

Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024  
(ngày thành lập) đến ngày  
31 tháng 12 năm 2025  
VND

Phí quản lý Quỹ	<u>21.937.566.741</u>
-----------------	-----------------------

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ là 1,3% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Bất kỳ thay đổi của tỷ lệ phí quản lý Quỹ phải được phê duyệt trong Đại hội Nhà đầu tư nhằm đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong kỳ dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá.

(ii) Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)  
 (“Ngân hàng Giám sát và Lưu ký và Quản trị Quỹ”)

Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024  
(ngày thành lập) đến ngày  
31 tháng 12 năm 2025  
VND

Phí trả cho Dịch vụ giám sát Quỹ	<u>355.380.323</u>
Phí giám sát Quỹ	

Phí trả cho Dịch vụ lưu ký chứng khoán	
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán thanh toán cho Ngân hàng lưu ký (Thuyết minh 5.5)	750.365.385
Phí giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 5.5)	<u>92.470.000</u>
	<u>842.835.385</u>

Phí trả cho dịch vụ quản trị Quỹ và thanh toán	
Phí quản trị Quỹ	477.202.305
Phí ngân hàng (Thuyết minh 5.6)	<u>5.008.074</u>
	<u>482.210.379</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

*(ii) Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)  
("Ngân hàng Giám sát và Lưu ký và Quản trị Quỹ") (tiếp theo)*

Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, phí giám sát tài sản, phí quản trị quỹ hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ tương ứng. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá trong tháng không nhỏ hơn mức phí tối thiểu và không vượt quá mức phí tối đa, cụ thể mức phí tối đa như sau:

- Phí giám sát là 0,0175% NAV/năm.
- Phí lưu ký là 0,0425% NAV/năm.
- Phí giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán là 150.000 đồng cho một giao dịch.
- Phí dịch vụ quản trị Quỹ là 0,02% NAV/năm.

*(iii) Thủ lao cho Ban Đại diện Quỹ*

**Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024  
(ngày thành lập) đến ngày  
31 tháng 12 năm 2025  
VND**

Thủ lao cho Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 5.6)

**326.400.000**

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thủ lao cho Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

Mẫu số B 06 – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư với các bên liên quan**

Tại ngày cuối giai đoạn báo cáo, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31.12.2025 VND
<b>Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments</b>	
Phí quản lý Quỹ phải trả (Thuyết minh 6.7)	1.864.964.890
<b>Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)</b>	
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ (Thuyết minh 6.1)	61.705.128.597
Phí lưu ký phải trả (Thuyết minh 6.7)	63.093.295
Phí giám sát Quỹ phải trả (Thuyết minh 6.7)	29.951.442
Phí quản trị Quỹ phải trả (Thuyết minh 6.7)	39.532.175
Phí giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 6.7)	16.800.000
<b>Ban Đại diện Quỹ</b>	
Trích trước thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 6.5)	72.000.000
<b>Tỷ lệ chứng chỉ quỹ mà các bên liên quan nắm giữ</b>	Tại ngày 31.12.2025 (%)
<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Cùng thuộc Tập đoàn Eastspring Investments
	98,55

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**9 CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ**

Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024  
(ngày thành lập) đến ngày  
31 tháng 12 năm 2025

<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động</b>	
1	Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong giai đoạn (%)	1,47
2	Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho ngân hàng giám sát/NAV trung bình trong giai đoạn (%)	0,09
3	Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ và các chi phí khác mà quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV trung bình trong giai đoạn (%)	0,04
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong giai đoạn (%)	0,01
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong giai đoạn (%)	0,02
6	Tỷ lệ chi phí/NAV trung bình trong giai đoạn (%)	2,01
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong giai đoạn (%)	<u>133,75</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**9 CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỜ (tiếp theo)**

Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024  
(ngày thành lập) đến ngày  
31 tháng 12 năm 2025

**II Các chỉ tiêu khác**

<b>1 Quy mô Quỹ đầu giai đoạn (tính theo mệnh giá CCQ)</b>	
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu giai đoạn (CCQ)	46.134.168,60
Tổng giá trị CCQ đang lưu hành tại đầu giai đoạn (VND)	461.341.686.000
<b>2 Thay đổi quy mô Quỹ trong giai đoạn (tính theo mệnh giá CCQ)</b>	
Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong giai đoạn (CCQ)	94.927.795,86
Giá trị vốn góp phát hành thêm trong giai đoạn (theo mệnh giá) (VND)	949.277.958.600
Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong giai đoạn (CCQ)	(571.048,85)
Giá trị vốn góp mua lại trong giai đoạn khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)	(5.710.488.500)
<b>3 Quy mô Quỹ cuối giai đoạn (tính theo mệnh giá CCQ)</b>	
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối giai đoạn (CCQ)	140.490.915,61
Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối giai đoạn (VND)	1.404.909.156.100
<b>4 Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối giai đoạn (%)</b>	<b>98,55</b>
<b>5 Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối giai đoạn (%)</b>	<b>98,99</b>
<b>6 Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối giai đoạn (%)</b>	<b>-</b>
<b>7 Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối giai đoạn</b>	<b>402</b>
<b>8 NAV/CCQ cuối giai đoạn (VND)</b>	<b>12.312</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế về trình bày và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210/2009/TT-BTC") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210/TT-BTC đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh, trong đó bao gồm các chính sách quản lý rủi ro tài chính và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Quỹ có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng  
Rủi ro thanh khoản  
Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết. Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Ngân hàng Giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở kỳ định giá. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Điều hành và/hoặc Người Điều hành quỹ của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

**(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng.

Chứng khoán đầu tư của Quỹ chỉ được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán được thanh toán hoặc chỉ trả qua Trung tâm lưu ký chứng khoán, các đối tác và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là rất nhỏ.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ bán chứng khoán niêm yết. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu này được đánh giá là thấp do các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn và các khoản phải thu có thời hạn thanh toán ngắn. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng, trái phiếu và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)**

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm tiền và chứng khoán niêm yết, nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tất cả các khoản nợ phải trả của Quỹ có thời hạn thanh toán dưới 1 năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quỹ nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì hầu hết các khoản tiền gửi và trái phiếu niêm yết của Quỹ đều hưởng lãi suất cố định.

*Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ là có gốc tiền tệ là tiền Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

*Rủi ro giá thị trường*

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)**

**(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

*Rủi ro giá thị trường (tiếp theo)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nếu giá chứng khoán tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì NAV của Quỹ sẽ cao hơn/thấp hơn 167.211.174.360 Đồng Việt Nam tương ứng.

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính của Quỹ bao gồm:

- Tiền
- Công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác;
- Quyền theo hợp đồng để:
  - Nhận tiền mặt hoặc tài sản tài chính khác từ đơn vị khác; hoặc
  - Trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện có thể có lợi cho Quỹ;

Nợ phải trả tài chính của Quỹ là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Quỹ hoặc là các hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Do đó, Quỹ áp dụng phương pháp định giá NAV theo Thông tư 98/2020/TT-BTC, Điều lệ Quỹ và Sổ tay Định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính khác và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định bằng giá trị ghi sổ do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)**

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 lần lượt như sau:

	Giá trị trước đánh giá lại 31.12.2025 VND	Giá trị hợp lý (*) 31.12.2025 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	61.705.128.597	61.705.128.597
Các khoản đầu tư thuần	1.433.522.625.442	1.677.311.993.600
- Cổ phiếu niêm yết	1.433.522.625.442	1.672.111.743.600
- Quyền chọn mua cổ phiếu niêm yết	-	5.200.250.000
Phải thu về bán các khoản đầu tư	11.063.279.016	11.063.279.016
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.506.291.033.055</b>	<b>1.750.080.401.213</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả về mua các khoản đầu tư	17.654.099.528	17.654.099.528
Phải trả cho các Đại lý phân phối CCQ và Công ty Quản lý Quỹ	40.579.620	40.579.620
Chi phí phải trả	174.600.000	174.600.000
Phải trả cho nhà đầu tư về mua CCQ	14.550.000	14.550.000
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại CCQ	377.616.787	377.616.787
Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ	2.025.341.802	2.025.341.802
Phải trả khác	76.000.000	76.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.362.787.737</b>	<b>20.362.787.737</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ cũng là giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**11 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính.

**12 PHÊ CHUẨN PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 được Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn để phát hành vào ngày 18 tháng 3 năm 2026.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Nguyễn Thanh Phương Thảo**  
Trưởng Bộ phận Quản trị Quỹ/ Người lập



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Nguyễn Quốc Dũng**  
Tổng Giám đốc

